TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:37/2022/HNGĐ - ST.
Ngày 29 tháng 6 năm 2022
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Quỳnh Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2022/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Lê Văn H**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu 3, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1990.

Nơi ĐKHKTT: Khu 3, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: kyotofuujishi Makishima - cho Minamiochiai 105-7 taigasu ichibankan 405 – goshitsu.

(Anh H, chị T có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 07/4/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là anh Lê Văn H trình bày:* Anh H và chị T đăng ký kết hôn ngày 31/01/2012 tại UBND xã Mai Tùng (nay là xã V), huyện H, tỉnh Phú Thọ. Đến năm 2015, chị T đi du học tại Nhật Bản, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và làm ăn, vợ chồng ở xa nên tình cảm ngày càng xa cách, anh có trao đổi với chị T về việc ly hôn và chị T có quan điểm nhất trí. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin được ly hôn chị T.

Về con chung: vợ chồng có hai con chung là Lê Bảo C, sinh ngày 18/02/2013 và cháu Lê Bảo N, sinh ngày 13/11/2014, hiện nay cháu C đang ở với chị T tại Nhật Bản, còn cháu N đang ở với anh tại Việt Nam. Sau khi ly hôn anh đề nghị xin được nuôi cháu N và để chị T nuôi cháu C. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh H xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí, chi phí khác: Anh H xin chịu theo quy định của pháp luật.

- Phía bị đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Anh H và chị T đăng ký kết hôn ngày 31/01/2012 tại UBND xã Mai Tùng (nay là xã V), huyện H, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ chị tại khu 3, xã Mai Tùng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân vợ chồng không hợp nhau, trong sinh hoạt hàng ngày hay xảy ra cãi vã. Anh H xin ly hôn thì chị cũng nhất trí.

Về con chung: vợ chồng có hai con chung là Lê Bảo C, sinh ngày 18/02/2013 và cháu Lê Bảo N, sinh ngày 13/11/2014, hiện nay cháu C đang ở với chị T tại Nhật Bản, còn cháu N đang ở với Anh H tại Việt Nam. Sau khi ly hôn chị Tcó nguyện vọng được nuôi cháu C và để Anh H nuôi cháu N. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết đối với 02 bản tự khai, 01 đơn xin giải quyết vắng mặt, 01 đơn đề nghị xét xử vắng mặt cùng ngày 15/3/2022 do chị T gửi từ Nhật Bản về so với mẫu so sánh là bản chính giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/01/2012 có phải do cùng một người ký và viết ra hay không và tại kết luận giám định số: 684/KLGĐ – PC 09 ngày 05/6/2022 thể hiện chữ ký đứng tên Nguyễn Thị T và chữ viết "Nguyễn Thị T" dưới mục (Mẹ đẻ; Người làm đơn) trên "Bản tự khai; Đơn xin giải quyết vắng mặt; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt" (tài liệu cần giám định ký hiệu A1,A2,A3,A4) so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị T và chữ viết "Nguyễn Thị T" dưới mục (Vợ) trên "Giấy chứng nhận kết hôn" số 03/2012; đề ngày 31/01/2012, do Ủy ban nhân dân xã Mai Tùng, huyện H, tỉnh Phú Thọ cấp (tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M) **là do cùng một người ký và viết ra.**

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng qui định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật HNGĐ 2014; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 của QH về án phí. Đề nghị HĐXX:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị T.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cháu Lê Bảo N cho Anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Bảo C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng và được bảo đảm quyền thăm nuôi, chăm sóc con chung.

Anh H phải chịu 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Lê Văn H nộp đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị T tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, Anh H trình bày hiện chị T đang ở nước ngoài. Tại công văn số 11186/QLXNC – P5 ngày 01/6/2022 và danh sách khách xuất nhập cảnh ngày 30/5/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an xác định chị Nguyễn Thị T đã xuất cảnh gần nhất ngày 02/9/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở về nước. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Trong vụ án này chị T không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn H đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, Anh H.

Mặc dù chị T vắng mặt nhưng đã có bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, đơn đề nghị xét xử vắng mặt đều ghi ngày 15/3/2022. Để có căn cứ xác định chữ ký và chữ viết trong bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, đơn đề nghị xét xử vắng mặt có đúng chữ ký và chữ viết của chị Tkhông? Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã trưng cầu giám định và tại kết luận giám định số: 684/KLGĐ – PC 09 ngày 05/6/2022 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ thể hiện 02 bản tự khai, 01 đơn xin giải quyết vắng mặt, 01 đơn đề nghị xét xử vắng mặt do chị T gửi từ Nhật Bản về so với mẫu so sánh là "giấy chứng nhận kết hôn" **là do cùng một người ký và viết ra**. Do vậy, các tài liệu nêu trên thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của chị Tnên được sử dụng làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị T trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 31/01/2012 tại UBND xã Mai Tùng (nay là xã V), huyện H, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Anh H và chị T có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, trong sinh hoạt hàng ngày hay xảy ra cãi vã nhau, chị T đã đi lao động ở Nhật Bản từ tháng 9/2018 đến nay, do vợ chồng ở xa nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay Anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên anh đề nghị tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T, phía chị T cũng thể hiện quan điểm nhất trí ly hôn. Do vậy, cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị T là phù hợp với điều 55 luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H và chị T có hai con chung là Lê Bảo C, sinh ngày 18/02/2013 và cháu Lê Bảo N, sinh ngày 13/11/2014. Nay Anh H và chị T thống nhất thỏa thuận Anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng

cháu Lê Bảo N và chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Bảo C. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét thấy việc thỏa thuận về nuôi con chung giữa Anh H và chị T là tự nguyện phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do vậy, cần công nhận sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại điều 81, 82, 83 của luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Anh H và chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về chi phí tố tụng: Anh H xin tự nguyện chịu chi phí giám định là 3.000.000đ. Đây là sự tự nguyện của Anh H nên chấp nhận.

Về án phí: Anh H và chị T mỗi người phải chịu 75.000đ, tổng cộng là 150.000đ. Tuy nhiên, Anh H xin tự nguyện chịu cả phần án phí của chị T nên cần chấp nhận sự tự nguyện của Anh H là phù hợp.

[3]. Về quyền kháng cáo đối với bản án : Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83 và điều 123 của luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 điều 207; khoản 1 điều 228; khoản 1, 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị T.

[2]. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị T như sau: Anh Lê Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Bảo N, sinh ngày 13/11/2014 và chị Nguyễn Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Bảo C, sinh ngày 18/02/2013. Anh H và chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về chi phí tố tụng: Anh Lê Văn H tự nguyện chịu chi phí giám định là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Xác nhận Anh H đã nộp đủ số tiền trên tại phiếu thu ngày 07/6/2022 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ.

[4]. Về án phí: Anh Lê Văn H tự nguyện chịu cả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000065 ngày 18/5/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[5]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh Lê Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Hảo **Nguyễn N Thắng** **Nguyễn Hà Giang**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các đ- ơng sự;
- UBND xã Vĩnh Chân;
- L- u hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hà Giang